

|                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|
| Đơn vị: Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   | Biểu 2    |
| Chương: 423                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |           |
| DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU NĂM 2025                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |           |
| (Kèm theo Quyết định số 74/QĐ-TTYP ngày 26/02/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |           |
| (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |           |
|                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   | Đvt: đồng |
| Số TT                                                                                        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Dự toán được giao |           |
| 1                                                                                            | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3                 |           |
| A                                                                                            | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |           |
| I                                                                                            | Số thu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0                 |           |
| 1                                                                                            | Thu dịch vụ khám chữa bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |           |
| 2                                                                                            | Thu từ hoạt động sự nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |           |
| 3                                                                                            | Thu khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |           |
| II                                                                                           | Chi từ nguồn thu được để lại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |           |
| I                                                                                            | Thu dịch vụ khám chữa bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |           |
| 2                                                                                            | Thu khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |           |
| III                                                                                          | Số thu nộp ngân sách nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                   |           |
| 1                                                                                            | Thu dịch vụ khám chữa bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |           |
| B                                                                                            | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0                 |           |
| I                                                                                            | Nguồn ngân sách trong nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |           |
| 1                                                                                            | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,567,375,000     |           |
| 1.1                                                                                          | Kinh phí chi thường xuyên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |           |
| 1.2                                                                                          | Kinh phí chi không thường xuyên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1,567,375,000     |           |
|                                                                                              | Hoạt động y tế dự phòng và dân số phát triển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |           |
| 1.2.1                                                                                        | Công tác phòng, chống dịch bệnh lưu hành tại địa phương và dịch bệnh mới nổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 20,000,000        |           |
| -                                                                                            | Chủ động xây dựng phương án, bố trí nguồn lực và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để sẵn sàng ứng phó, đáp ứng nhanh trước các dịch bệnh lớn hoặc các tình huống y tế công cộng khẩn cấp.                                                                                                                                                                                                                     | 20,000,000        |           |
|                                                                                              | + Mua thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao,... phục vụ chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 20,000,000        |           |
| 1.2.2                                                                                        | Phòng, chống các bệnh lây nhiễm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 841,400,000       |           |
| a                                                                                            | Phòng, chống lao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 145,600,000       |           |
|                                                                                              | Duy trì và nâng cao hiệu quả phát hiện, chẩn đoán và quản lý bệnh nhân lao; chủ động khám phát hiện, chẩn đoán sớm các trường hợp lao và lao kháng thuốc; tổ chức quản lý điều trị đúng phác đồ, đầy đủ, liên tục để nâng cao tỷ lệ điều trị thành công, giảm trường hợp không tuân thủ điều trị, hạn chế điều trị thất bại và tử vong.                                                                    | 135,600,000       |           |
| -                                                                                            | Tập huấn về chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 15,600,000        |           |
|                                                                                              | Khám phát hiện bệnh nhân lao tại cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 15,000,000        |           |
|                                                                                              | Mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 80,000,000        |           |
|                                                                                              | Công cụ dụng cụ, vật tư đóng gói, vật tư tiêu hao, vật tư bảo quản vận chuyển mẫu,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 25,000,000        |           |
| -                                                                                            | Đẩy mạnh huy động sự tham gia của hệ thống y tế công lập và ngoài công lập, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng trong hoạt động phát hiện, điều trị và truyền thông phòng, chống lao; thúc đẩy hợp tác công - tư để tăng hiệu quả kiểm soát bệnh lao.                                                                                                                                              | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | Truyền thông ngày thế giới PC Lao tại trường học, cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,000,000         |           |
| b                                                                                            | Phòng, chống phong                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 25,800,000        |           |
| -                                                                                            | Tổ chức khám phát hiện sớm và thực hiện đa hóa trị liệu cho bệnh nhân phong mới; chăm sóc tàn tật, phục hồi chức năng, hướng dẫn và tái hòa nhập cộng đồng cho bệnh nhân phong.                                                                                                                                                                                                                            | 15,000,000        |           |
|                                                                                              | Khám phát hiện sớm và thực hiện đa hóa trị liệu cho bệnh nhân phong mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,800,000         |           |
| -                                                                                            | Triển khai đào tạo, tập huấn chuyên môn và nâng cao hiệu quả truyền thông về phòng, chống bệnh phong.                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |           |
| -                                                                                            | Tập huấn trực tuyến chuyên môn cho các tuyến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |           |
| -                                                                                            | Tăng cường giám sát hoạt động chuyên môn tại tất cả các tuyến.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,000,000         |           |
|                                                                                              | + Pho to, in ấn tài liệu truyền thông về bệnh phong                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2,000,000         |           |
| -                                                                                            | Duy trì thành quả và tiếp tục tổ chức loại trừ bệnh phong tại các tuyến theo quy định của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | + In biểu mẫu, sổ quản lý chương trình phong, tờ rơi tuyên truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5,000,000         |           |
| c                                                                                            | Phòng, chống sốt rét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 70,000,000        |           |
| -                                                                                            | Cung ứng đầy đủ thuốc điều trị và thuốc dự phòng cho các nhóm nguy cơ; cung cấp hóa chất và màn tẩm hóa chất để phòng bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                | 70,000,000        |           |
|                                                                                              | Thuốc, vật tư hóa chất công cụ phun tẩm phục vụ chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 35,000,000        |           |
|                                                                                              | In biểu mẫu sổ báo cáo chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | Thuốc sốt rét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                   |           |
|                                                                                              | Công phun tẩm màn bằng hóa chất phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 30,000,000        |           |
| d                                                                                            | Phòng, chống sốt xuất huyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 600,000,000       |           |
| -                                                                                            | Tổ chức các chiến dịch diệt lăng quăng, vệ sinh môi trường; huy động cộng đồng và chính quyền cơ sở tham gia tích cực; triển khai phun hóa chất chủ động tại các khu vực có nguy cơ cao theo hướng dẫn của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                        | 190,000,000       |           |
|                                                                                              | Hóa chất để xử lý ổ dịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 70,000,000        |           |
|                                                                                              | Phun máy lớn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |           |
|                                                                                              | Công phun hóa chất + Diệt lăng quăng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 30,000,000        |           |
|                                                                                              | Hỗ trợ cán bộ y tế điều tra, xác minh, xử lý ổ dịch (theo ND 73)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |           |
|                                                                                              | Xử lý ổ dịch: mua hóa chất, nhiên liệu, thuê nhân công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 90,000,000        |           |
| -                                                                                            | Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế các tuyến; củng cố khả năng thu dung, điều trị và hồi sức cấp cứu bệnh nhân sốt xuất huyết, bảo đảm xử trí đúng phác đồ, giảm tối đa tử vong.                                                                                                                                                                                                                 | 18,000,000        |           |
|                                                                                              | Tập huấn kỹ thuật giám sát côn trùng, giám sát dịch tễ và nâng cao năng lực chẩn đoán điều                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 18,000,000        |           |
| -                                                                                            | Chuẩn bị đầy đủ vật tư, hóa chất, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để ứng phó khi có dịch; kiểm soát chủ động và không để dịch lan rộng, bảo vệ sức khỏe Nhân dân.                                                                                                                                                                                                                                | 92,000,000        |           |
|                                                                                              | Mua hóa chất, vật tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 87,000,000        |           |
| 1.2.3                                                                                        | Kinh phí mua đèn pin, pin giám sát dịch tễ côn trùng sốt xuất huyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | Tiêm chủng mở rộng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 40,000,000        |           |
| -                                                                                            | Tổ chức thực hiện đầy đủ và an toàn các hoạt động tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, tiêm vắc xin phòng uốn ván cho phụ nữ mang thai, bảo đảm đạt và duy trì tỷ lệ tiêm chủng theo quy định của Bộ Y tế. Thực hiện rà soát, quản lý chặt chẽ đối tượng trong diện tiêm chủng, không để xảy ra vùng lõm hoặc bỏ sót đối tượng.                                                                                  | 36,000,000        |           |
|                                                                                              | In sổ tiêm chủng cá nhân, pho tờ các loại sổ sách, sổ quản lý, biểu mẫu hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 17,400,000        |           |
|                                                                                              | Băng rôn truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6,400,000         |           |
|                                                                                              | Chỉ mua vật tư bơm kim tiêm, hộp an toàn, thuốc, hóa chất,....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 12,200,000        |           |
| -                                                                                            | Xây dựng, phê duyệt và triển khai các chiến dịch tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng bổ sung và tiêm chủng chống dịch đúng hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.                                                                                                                                                                                                                 | 4,000,000         |           |
|                                                                                              | Chiến dịch Td (thực tế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2,000,000         |           |
|                                                                                              | Chiến dịch IPV (thực tế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2,000,000         |           |
| 1.2.4                                                                                        | Phòng, chống các bệnh không lây nhiễm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 41,800,000        |           |
| a                                                                                            | Phòng, chống tăng huyết áp và nguy cơ bệnh lý tim mạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,200,000         |           |
| -                                                                                            | Triển khai quản lý, điều trị và tư vấn tại tuyến y tế cơ sở cho người bệnh tăng huyết áp, bao gồm: Tư vấn thay đổi hành vi, lối sống lành mạnh; hướng dẫn và theo dõi tuân thủ điều trị; dự phòng, phát hiện sớm và xử trí biến chứng do tăng huyết áp.                                                                                                                                                    | 4,200,000         |           |
| b                                                                                            | Phòng, chống bệnh đái tháo đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,000,000         |           |
| -                                                                                            | Tổ chức khám sàng lọc, phát hiện sớm bệnh đái tháo đường, đặc biệt trong cộng đồng và các nhóm đối tượng nguy cơ cao, nhằm phát hiện sớm, quản lý và điều trị kịp thời.                                                                                                                                                                                                                                    | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | + Khám sàng lọc bệnh đái tháo đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | In giấy mời, nước uống, băng rôn, tờ rơi, băng rôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,000,000         |           |
| c                                                                                            | Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 27,600,000        |           |
| -                                                                                            | Tổ chức sàng lọc, phát hiện sớm người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 10,000,000        |           |
| -                                                                                            | Khám sàng lọc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 10,000,000        |           |
|                                                                                              | Đào tạo, tập huấn chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 17,600,000        |           |
| d                                                                                            | Phòng, chống ung thư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,000,000         |           |
| -                                                                                            | Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về phòng, chống bệnh ung thư nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, lối sống lành mạnh và khuyến khích người dân chủ động tham gia sàng lọc, phát hiện sớm ung thư trong cộng đồng.                                                                                                                                                                        |                   |           |
| -                                                                                            | Tổ chức triển khai hoạt động khám sàng lọc, phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp, bao gồm: Ung thư gan, ung thư phổi, ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại - trực tràng; đảm bảo thực hiện theo đúng hướng dẫn chuyên môn.                                                                                                                                                                | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | Vật tư tiêu hao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,000,000         |           |
| 1.2.5                                                                                        | Phòng chống HIV/AIDS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 16,700,000        |           |
| -                                                                                            | Dự phòng và can thiệp giảm tác hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 16,700,000        |           |
|                                                                                              | + Đổi mới và đa dạng hóa công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, chú trọng ứng dụng mạng xã hội và hệ thống thông tin cơ sở. Tăng cường phổ biến pháp luật, chính sách và giảm tối đa kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS và nhóm nguy cơ cao tại cộng đồng.                                                                                                                               | 12,400,000        |           |
|                                                                                              | + Cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6,200,000         |           |
|                                                                                              | + Tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6,200,000         |           |
|                                                                                              | + Tập trung can thiệp giảm tác hại toàn diện cho các nhóm có nguy cơ lây nhiễm HIV cao (người sử dụng ma túy, nam quan hệ tình dục đồng giới, người chuyển giới, phụ nữ bán dâm, phạm nhân; bạn tình, bạn chích của người nhiễm HIV, phụ nữ mang thai).                                                                                                                                                    | 4,300,000         |           |
|                                                                                              | Đào tạo tập huấn chuyên môn về PC HIV/AIDS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,300,000         |           |
| 1.2.6                                                                                        | Bảo vệ sức khỏe tâm thần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 50,000,000        |           |
| -                                                                                            | Triển khai và củng cố hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần tại 100% Trạm Y tế xã, phường, đặc khu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 45,000,000        |           |
|                                                                                              | + Mua thuốc tâm thần, công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 30,000,000        |           |
|                                                                                              | + Khám sàng lọc cho bệnh nhân tâm thần và động kinh, trầm cảm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 15,000,000        |           |
| -                                                                                            | Tổ chức khám sàng lọc, phát hiện sớm, lập hồ sơ quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho các trường hợp rối loạn tâm thần phổ biến như: Tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm và các rối loạn hành vi khác.                                                                                                                                                                                           | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | + In biểu mẫu sổ sách chương trình, giấy mời, băng rôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,000,000         |           |
| 1.2.7                                                                                        | Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 50,000,000        |           |
| -                                                                                            | Tiếp tục triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, tập trung vào giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh thông qua: Duy trì và nâng cao tỷ lệ quản lý thai, bà mẹ đẻ được nhân viên y tế hoặc nhân viên có đào tạo hỗ trợ; tăng cường chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh; đẩy mạnh triển khai sàng lọc trước sinh; bổ sung viên sắt/folic cho phụ nữ có thai.                  | 40,000,000        |           |
|                                                                                              | + Nói chuyện chuyên đề về Sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên (Tại trường học);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | + Trang trí hội trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,500,000         |           |
|                                                                                              | + Tư vấn SKSS tại cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,000,000         |           |
|                                                                                              | + Tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 10,000,000        |           |
|                                                                                              | + Báo cáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | + Nước uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | + Băng rôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,500,000         |           |
|                                                                                              | + Hỗ trợ chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh tại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | + In biểu mẫu, sổ phục vụ hoạt động SKSS, SKSS-SKTD cho VTN-TN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,000,000         |           |
| -                                                                                            | Tăng cường sàng lọc và quản lý bệnh nhiễm khuẩn đường sinh dục ở phụ nữ, phát hiện sớm và điều trị tổn thương tiền ung thư, ung thư cổ tử cung theo kế hoạch sàng lọc định kỳ của phụ nữ.                                                                                                                                                                                                                  | 10,000,000        |           |
|                                                                                              | + In ấn sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ trẻ em, băng rôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 10,000,000        |           |
| 1.2.8                                                                                        | Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,975,000         |           |
| -                                                                                            | Tập trung chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời thông qua chăm sóc dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; thực hiện theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.                                                                                                                               | 0                 |           |
|                                                                                              | + Băng rôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |           |
| -                                                                                            | Đẩy mạnh hoạt động can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao: Bổ sung Vitamin A, đa vi chất, kẽm, sắt, sản phẩm dinh dưỡng cho các đối tượng theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em và hỗ trợ dinh dưỡng trong vùng thiên tai, thảm họa. Thực hiện tây giun định kỳ cho trẻ em 24-60 tháng tuổi.                                                              | 3,975,000         |           |
|                                                                                              | + Tập huấn Vitamin A cho trẻ từ 6-60 tháng tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,975,000         |           |
| 1.2.9                                                                                        | An toàn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 22,500,000        |           |
| -                                                                                            | Tăng cường thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên ngành định kỳ và đột xuất tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; đặc biệt chú trọng các đợt cao điểm, mùa lễ hội và khi có sự cố an toàn thực phẩm; giám sát chặt chẽ sản phẩm thực phẩm bao gói sẵn, thực phẩm tươi sống, ăn liền để đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.                                                        | 22,500,000        |           |
|                                                                                              | Kiểm tra đột xuất khi có sự cố về ATTP (CTP, tiền ngu, xăng xe, thuê xe, mua mẫu, xét nghiệm mẫu, chi khác,...)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 22,500,000        |           |
|                                                                                              | + Tiền ngu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |           |
| 1.2.10                                                                                       | Duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 96,000,000        |           |
| -                                                                                            | Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 46,000,000        |           |
|                                                                                              | Thực hiện phổ biến, giáo dục và nâng cao hiệu lực để thực thi những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Đưa nội dung về MCBGTKS vào: Trường học THPT, THCS.....                                                                                                                                                                                                              | 9,600,000         |           |
| -                                                                                            | + Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 500,000           |           |
|                                                                                              | + Giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,000,000         |           |
|                                                                                              | + Trang trí hội trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,100,000         |           |
|                                                                                              | + Hỗ trợ tiền ăn cho người tham dự không trong danh sách hưởng lương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,000,000         |           |
| -                                                                                            | Tổ chức các buổi Truyền thông cung cấp thông tin cho người dân về Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 28,000,000        |           |
| -                                                                                            | Đưa nội dung về mất cân bằng giới tính khi sinh vào trường học THPT, THCS, ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8,400,000         |           |
| -                                                                                            | Nâng cao chất lượng dân số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 50,000,000        |           |
|                                                                                              | Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, bảo đảm người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình an toàn, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần.                                                                                                                                               | 22,600,000        |           |
|                                                                                              | + Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh (Chương trình 1999)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   |           |
|                                                                                              | + Triển khai đồng bộ các hoạt động thực hiện Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 của Bộ Y tế và của địa phương với Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 sau khi được tỉnh phê duyệt | 22,600,000        |           |
|                                                                                              | Triển khai tầm soát trước sinh và sơ sinh để phát hiện sớm, can thiệp và điều trị kịp thời một số bệnh, tật bẩm sinh phổ biến.                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0                 |           |
|                                                                                              | + Điều tra, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, người cung cấp dịch vụ. (Cho Dân số xây dựng tài liệu tập huấn). Tập huấn sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số (MIS) cho cán bộ dân số cấp xã                                                                                                                        |                   |           |
|                                                                                              | Lồng ghép nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động cộng đồng, đặc biệt là tại các trường học. Xây dựng, phát triển các điểm cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe hôn nhân tại tuyến y tế cơ sở.                                                                                                                                                                                | 27,400,000        |           |
| -                                                                                            | Tổ chức lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động khác của địa phương.                                                                                                                                                                                                                                        | 27,400,000        |           |
|                                                                                              | + Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,000,000         |           |
|                                                                                              | + Giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 11,500,000        |           |
|                                                                                              | + Trang trí hội trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,400,000         |           |
|                                                                                              | + Tiền ăn cho người tham dự không trong danh sách hưởng lương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 12,500,000        |           |
| 1.2.11                                                                                       | Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 247,500,000       |           |
| -                                                                                            | Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc phát hiện sớm các bệnh mạn tính không lây thường gặp ở người cao tuổi; lập hồ sơ theo dõi sức khỏe để quản lý, tư vấn, điều trị và chăm sóc phù hợp.                                                                                                                                                                                                               | 247,500,000       |           |
|                                                                                              | + In hồ sơ quản lý sức khỏe Người cao tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,000,000         |           |
|                                                                                              | + Khám sức khỏe định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 244,500,000       |           |
| 1.2.12                                                                                       | Thông tin, truyền thông y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60,000,000        |           |
| -                                                                                            | Đổi mới và đa dạng hóa hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và xu hướng hoạt động truyền thông đại chúng tại liên tục, giúp người dân nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi và chủ động bảo vệ sức khỏe.                                                                                                                                                         | 60,000,000        |           |
|                                                                                              | + Truyền thông YTDTP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 10,000,000        |           |
|                                                                                              | Truyền thông phòng, chống tác hại của rượu, bia (Khám sàng lọc+ truyền thông trực tiếp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 10,000,000        |           |
|                                                                                              | + Truyền thông Dân số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 50,000,000        |           |
|                                                                                              | In băng rôn, tờ rơi tuyên truyền điệp dân số trong năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 23,000,000        |           |
|                                                                                              | Làm mới, sửa chữa pa nô truyền thông lĩnh vực Dân số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 27,000,000        |           |
| 1.2.13                                                                                       | Theo dõi, giám sát, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 77,500,000        |           |
| -                                                                                            | Xây dựng và hoàn thiện các bộ công cụ giám sát có giá trị và độ tin cậy cao nhằm theo dõi các hoạt động trong lĩnh vực y tế dự phòng và dân số phát triển.                                                                                                                                                                                                                                                 | 26,500,000        |           |
|                                                                                              | + Giám sát, hỗ trợ chuyên môn hoạt động CSSKHS tại TYT xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |           |
|                                                                                              | Giám sát điều kiện vệ sinh học đường tại trường học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 26,500,000        |           |
|                                                                                              | Giám sát chương trình NS&VSMT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                   |           |
| -                                                                                            | Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nhân sự tại các tuyến y tế để đảm bảo công tác giám sát và đánh giá được thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả.                                                                                                                                                                                                                                                                | 51,000,000        |           |
|                                                                                              | + Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá lĩnh vực Y tế dân số phát triển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5,000,000         |           |
|                                                                                              | + Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá lĩnh vực Y tế dự phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 46,000,000        |           |